

Số: 344/BB-THAD

Hung Đạo, ngày 05 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai danh sách lương tháng 11/2025 đối với cán bộ, viên chức

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thời gian nâng lương, thâm niên đối với cán bộ, viên chức;

I. Thời gian: từ 9h00', ngày 05/11/2025.

II. Địa điểm: Tại Trường Tiểu học Anh Dũng.

III. Thành phần:

- Đ/c Ngô Thị Thùy Linh - Hiệu trưởng, TB KTNB.
- Đ/c Nguyễn Thị Loan - Phó Hiệu trưởng, Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Thu Trang - Phó Hiệu trưởng, Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Hồng Gấm - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 1; Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Thu Hương - Tổ trưởng Tổ CM Tổ 2; Thành viên.
- Đ/c Nguyễn Thị Hà Phương - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 3; Thư ký.
- Đ/c Trần Thị Thâu - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 4; Thành viên.
- Đ/c Bùi Thị Thanh Hường - Tổ trưởng Tổ chuyên môn Tổ 5; Thành viên.
- Đ/c Phạm Thị Bích Ngọc - Tổ trưởng Tổ Văn phòng; Thành viên.

VI. Nội dung:

Lập biên bản về việc niêm yết công khai: danh sách lương tháng 11/2025 bằng hình thức Niêm yết tại Wetside và bản tin nhà trường.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 9h00', ngày 05/11/2025, sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 9h00' ngày 05/12/2025 (30 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai: danh sách lương tháng 11/2025 bằng hình thức Niêm yết tại Webside và bản tin nhà trường, niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và phụ huynh học sinh biết.

Nội dung niêm yết bao gồm những hồ sơ sau:

1. Danh sách lương tháng 11/2025 . (02 trang)

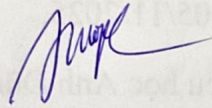
Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 9h10' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- Webside nhà trường;
- Bảng công khai;
- Lưu: VT, HSCK.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hà Phương

HIỆU TRƯỞNG



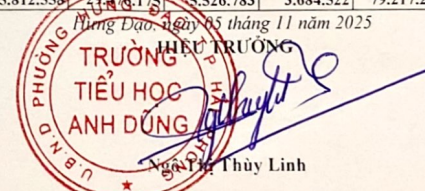
Ngô Thị Thùy Linh

DANH SÁCH CHI LƯƠNG THÁNG 11 NĂM 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	CDNN	MÃ SỐ CDNN	HỆ SỐ						SỐ TIỀN						BHXH, BHYT, BHTN 10,5%				BHXH, BHYT, BHTN 11,5%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRÚ BHXH	TỔNG LƯU		
					HE SỐ LƯƠNG	PCC V	BAO LƯU	PCUD 35%	PCTN		LƯƠNG	PCCV	BAO LƯU	PCUD 35%	PCTN	PC TRÁCH NHIỆM	TỔNG	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%					
									% PCTN	HE SỐ PCTN															
I Biên chế																									
1	Ngô Thị Thủy Linh	HT	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,4		1,5400	8%	0,3520		9.360.000	936.000	0	3.603.600	823.680	0	14.723.280	889.574	166.795	111.197	2.390.731	13.555.714	13.555.700
2	Nguyễn Thu Loan	PHH	GVTH Hàng I	V.07.03.27	5	5,76	0,3		2,1210	35%	2,1210		13.478.400	702.000	0	4.963.140	4.963.140	0	24.106.680	1.531.483	287.153	191.435	4.115.861	22.096.608	22.096.600
3	Nguyễn Thị Thu Trang	PHH	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,3		1,5050	15%	0,6450		9.360.000	702.000	0	3.521.700	1.509.300	0	15.093.000	925.704	173.570	115.713	2.487.830	13.878.014	13.878.000
4	Phạm Thị Bích Ngọc	KT	Kế toán viên	V.06.031	4	3,33	0,2					0,10	7.792.200	468.000	0	0	0	234.000	8.494.200	660.816	123.903	82.602	1.775.943	7.626.879	7.626.900
5	Đinh Thị Vân	NV	Kế toán viên trung cấp	06.032	6	3,66							8.564.400	0	0	0	0	0	8.564.400	685.152	128.466	85.644	1.841.346	7.665.138	7.665.100
6	Nguyễn Thị Kim Chi	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	5	5,36			1,8760	35%	1,8760		12.542.400	0	0	4.389.840	4.389.840	0	21.322.080	1.354.579	253.984	169.322	3.640.432	19.544.195	19.544.200
7	Nguyễn Thị Hương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	31%	1,5562		11.746.800	0	0	4.111.380	3.641.508	0	19.499.688	1.231.065	230.825	153.883	3.308.486	17.883.916	17.883.900
8	Lê Thị Ngọc Lan	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	29%	1,4558		11.746.800	0	0	4.111.380	3.406.572	0	19.264.752	1.212.270	227.301	151.534	3.257.975	17.673.648	17.673.600
9	Trần Thị Thu	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02	0,2		1,8270	27%	1,4094		11.746.800	468.000	0	4.275.180	3.297.996	0	19.787.976	1.241.024	232.692	155.128	3.335.251	18.159.132	18.159.100
10	Bùi Thị Thanh Hương	GV	GVTH Hàng I	V.07.03.27	1	4,40	0,2		1,6100	20%	0,9200		10.296.000	468.000	0	3.767.400	2.152.800	0	16.684.200	1.033.344	193.752	129.168	2.777.112	15.327.936	15.327.900
11	Lê Thị Phương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	5	5,36			1,8760	33%	1,7688		12.542.400	0	0	4.389.840	4.138.992	0	21.071.232	1.334.511	250.221	166.814	3.586.499	19.319.686	19.319.700
12	Nguyễn Thị Thu Hương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	5	4,68	0,2		1,7080	26%	1,2688		10.951.200	468.000	0	3.996.720	2.968.992	0	18.384.912	1.151.055	215.823	143.882	3.093.461	16.874.152	16.874.200
13	Hoàng Thị Mân	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	27%	1,3554		11.746.800	0	0	4.111.380	3.171.636	0	19.029.816	1.193.475	223.777	149.184	3.207.464	17.463.380	17.463.400
14	Nguyễn Thị Phương Liên	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00			1,4000	14%	0,5600		9.360.000	0	0	3.276.000	1.310.400	0	13.946.400	853.632	160.056	106.704	2.294.136	12.826.008	12.826.000
15	Nguyễn Thị Lý	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	4	5,02			1,7570	27%	1,3554		11.746.800	0	0	4.111.380	3.171.636	0	19.029.816	1.193.475	223.777	149.184	3.207.464	17.463.380	17.463.400
16	Nguyễn Thị Hà Phương	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,2		1,4700	13%	0,5460		9.360.000	468.000	0	3.439.800	1.277.640	0	14.545.440	888.451	166.585	111.056	2.387.713	13.739.348	13.739.300
17	Ngô Thị Hà Ngân	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67	0,07		0,9590				6.247.800	0	163.800	2.244.060	0	0	8.655.660	512.928	96.174	64.116	1.378.494	7.982.442	7.982.400
18	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4,00	0,2		1,4700	17%	0,7140		9.360.000	468.000	0	3.439.800	1.670.760	0	14.938.560	919.901	172.481	114.988	2.472.233	13.731.190	13.731.200
19	Trần Thị Thanh Xuân	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67	0,07		0,9590	7%	0,1918		6.247.800	0	163.800	2.244.060	448.812	0	9.104.472	548.833	102.906	68.604	1.474.989	8.384.129	8.384.100
20	Phạm Thị Hoa	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	7%	0,1869		6.247.800	0	0	2.186.730	437.346	0	8.871.876	534.812	100.277	66.851	1.437.306	8.169.936	8.169.900
21	Đinh Thị Thanh Mai	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.08	3	2,72			0,9520	16%	0,4352		6.364.800	0	0	2.227.680	1.018.368	0	9.610.848	590.653	110.748	73.832	1.587.381	8.835.615	8.835.600
22	Nguyễn Thị Như Huệ	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435	7%	0,1687		5.475.600	0	163.800	1.973.790	394.758	0	8.007.948	482.733	90.512	60.342	1.297.344	7.374.361	7.374.400
23	Nguyễn Thị Huệ	GV	GVTH Hàng II	V.07.03.28	1	4			1,4000	10%	0,4000		9.360.000	0	0	3.276.000	936.000	0	13.572.000	823.680	154.440	102.960	2.213.640	12.490.920	12.490.900
24	Nguyễn Thị Kim Thanh	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435	6%	0,1446		5.475.600	0	163.800	1.973.790	338.364	0	7.951.554	478.221	89.666	59.778	1.285.219	7.323.889	7.323.900
25	Phạm Hồng Phúc	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435				5.475.600	0	163.800	1.973.790	0	0	7.613.190	451.152	84.591	56.394	1.212.471	7.021.053	7.021.100
26	Lê Thị Thanh Hà	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67	0,33		1,0500				6.247.800	0	772.200	2.457.000	0	0	9.477.000	561.600	105.300	70.200	1.509.300	8.739.900	8.739.900
27	Nguyễn Thị Thu Hòa	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	8%	0,2136		6.247.800	0	0	2.186.730	499.824	0	8.934.354	539.810	101.214	67.476	1.450.739	8.225.853	8.225.900
28	Nguyễn Thị Diệu Mai	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345				6.247.800	0	0	2.186.730	0	0	8.434.530	499.824	93.717	62.478	1.343.277	7.778.511	7.778.500
29	Phạm Văn Hải	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190			0,20	5.475.600	0	0	1.916.460	0	468.000	7.860.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	7.285.122	7.285.100
30	Lê Vĩnh Thịnh	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
31	Trần Thị Phương Thảo	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
32	Phạm Thị Thủy Dung	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34	0,07		0,8435				5.475.600	0	163.800	1.973.790	0	0	7.613.190	451.152	84.591	56.394	1.212.471	7.021.053	7.021.100
33	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345	8%	0,2136		6.247.800	0	0	2.186.730	499.824	0	8.934.354	539.810	101.214	67.476	1.450.739	8.225.853	8.225.900
34	Vũ Thị Quỳnh Trang	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,340			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
35	Trần Thị Trang	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	2	2,67			0,9345				6.247.800	0	0	2.186.730	0	0	8.434.530	499.824	93.717	62.478	1.343.277	7.778.511	7.778.500
36	Nguyễn Thị Huyền Vi	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
37	Phạm Thị Hương	GV	GVTH Hàng III	V.07.03.29	1	3,000			1,0500	6%	0,1800		7.020.000	0	0	2.457.000	421.200	0	9.898.200	595.296	111.618	74.412	1.599.858	9.116.874	9.116.900
Cộng biên chế						129,79	2,2	0,75	43,943		20,038	0,30	303.708.600	5.148.000	1.755.000	102.825.450	46.889.388	702.000	461.028.438	28.600.079	5.362.515	3.575.010	76.862.712	423.490.834	423.490.700
II Hợp đồng 111																									
01	Bùi Thị Thanh Xuân					2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
02	Nguyễn Ngọc Trâm					2,34			0,8190				5.475.600	0	0	1.916.460	0	0	7.392.060	438.048	82.134	54.756	1.177.254	6.817.122	6.817.100
Cộng hợp đồng						4,680			1,638				10.951.200	0	0	3.832.920	0	0	14.784.120	876.096	164.268	109.512	2.354.508	13.634.244	13.634.200
Tổng cộng						134,47	2,2	0,75	45,581		20,038	0,30	314.659.800	5.148.000	1.755.000	106.658.370	46.889.388	702.000	475.812.558	29.466.175	5.526.783	3.684.522	79.217.220	437.125.078	437.124.900

KẾ TOÁN

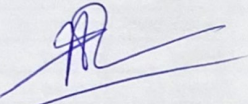
Phạm Thị Bích Ngọc



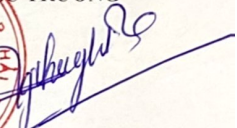
DANH SÁCH TRUY LĨNH THÂM NIÊN
Từ tháng 10/2025 đến 31/10/2025

Stt	Họ tên	Lương hiện hưởng					Lương mới					Thời gian hưởng	Truy lĩnh hệ số lương 1 tháng	Số tháng truy lĩnh	Tổng hệ số truy lĩnh	Số tiền truy lĩnh					Tổng cộng	23,5% BHXH, BHYT, BHTN, KPCD	10,5% BHXH	Thực lĩnh			
		Hệ số lương	Hệ số PC CV	Hệ số PC TN	Vượt khung, Bảo lưu	PCTN %	HSPC ưu đãi 35%	Hệ số lương	Hệ số PC CV	Hệ số PC TN	Vượt khung, Bảo lưu					PCTN %	HSPC ưu đãi 35%	Lương chính	PC chức vụ	PC trách nhiệm					Vượt khung, Bảo lưu	Thâm niên	PC ưu đãi 35%
1	Phạm Thị Hương	3,00			0,000		1,050	3,00				0,180	1,050	01/10/2025	0,1800	1	0,1800	0	0	-	0	421.200	0	421.200	98.982	44.226	377.000
CỘNG		3,000	0,000	0,000	0,000	0,000	1,050	3,000	0,000	0,000	0,000	0,180	1,050		0,1800	1	0,1800	0	0	0	0	421.200	0	421.200	98.982	44.226	377.000

KÊ TOÁN


Phạm Thị Bích Ngọc

Hưng Đạo, ngày 05 tháng 11 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG


Ngô Thị Thùy Linh